

**CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
Ngành/ Chuyên ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**

- 1. Tên học phần: **Hành vi tổ chức**
- 2. Loại học phần: Lý thuyết
- 3. Số tín chỉ: 02 (2, 0)
- 4. Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh – Khoa Kinh tế
- 5. Điều kiện tiên quyết: Không
- 6. Phân bổ thời gian:
  - Thời gian lên lớp: 30 tiết (2 tiết/tuần)
  - Số tiết lý thuyết: 28 tiết
  - Số tiết thực hành: 0 tiết
  - Số tiết kiểm tra: 2 tiết
  - Thời gian tự học: 60 giờ

**7. Mục tiêu của học phần**

**7.1. Về kiến thức:**

Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có những kiến thức về diễn biến hành vi của một người khi làm việc trong nhóm và tổ chức. Sinh viên hiểu được (i) các khái niệm tổng quan, (ii) hành vi tổ chức của cá nhân, gồm: các giá trị, thái độ và thỏa mãn công việc và những quyết định của từng cá nhân trong tổ chức, tạo động lực cơ bản đối với mỗi cá nhân; (iii) hành vi tổ chức nhóm, gồm: yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến hành vi nhóm, quyết định nhóm, làm việc nhóm hiệu quả; và (iv) văn hóa tổ chức, gồm: tác động của văn hóa đến hành vi cá nhân và nhóm, (v) phương pháp thay đổi và kiểm soát văn hóa của tổ chức.

**7.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng kiểm soát hành vi cá nhân của mình trong nhóm, trong tổ chức.
- Kỹ năng ra các quyết định của bản thân đúng và kịp thời trong nhóm, trong tổ chức.
- Kỹ năng phân tích những giá trị, những niềm tin, những quy phạm được chia sẻ và hướng dẫn hành vi của mỗi cá nhân trong nhóm, trong tổ chức.
- Hình thành kỹ năng nghiên cứu và thuyết trình giúp cho sinh viên có khả năng đối mặt với những thách thức về mặt tổ chức trong môi trường hiện nay.
- Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.

**7.3. Về thái độ:**

- Sinh viên yêu thích và hứng thú với môn học Hành vi tổ chức
- Sinh viên tích cực tham gia nghiên cứu học phần này và các học phần liên quan khác



- Sinh viên có thái độ nghiêm túc, cầu tiến trong quá trình h.tập và nghiên cứu.
- Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

## 8. Nội dung học phần:

### 8.1. Mô tả vắn tắt

Học phần đề cập đến các vấn đề: giới thiệu hành vi tổ chức, cơ sở hành vi cá nhân, cơ sở hành vi nhóm, truyền thông và giao tiếp trong nhóm, tác động của văn hóa tới hành vi cá nhân và tổ chức, văn hóa doanh nghiệp.

### 8.2. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	<b>Chương 1. Tổng quan về hành vi tổ chức</b> 1.1. Hành vi tổ chức và vai trò của HVTC 1.1.1. Khái niệm về hành vi tổ chức 1.1.2. Vai trò của hành vi tổ chức 1.2. Chức năng của hành vi tổ chức 1.2.1. Chức năng giải thích 1.2.2. Chức năng dự đoán 1.2.3. Chức năng kiểm soát 1.3. Quan hệ giữa HVTC với các môn khoa học khác 1.4. Hành vi tổ chức với những thách thức và cơ hội của tổ chức 1.5. Đối tượng, nhiệm vụ và nội dung môn học hành vi tổ chức	02	[1] Chương 1 từ trang 6 đến 15 [2] Chương 1: Từ trang 5 đến 31	- Học lý thuyết trên lớp - Tham gia thảo luận. - SV làm bài tập 1 đến 8 [2], trang 30
2	<b>Chương 2. Cơ sở của hành vi cá nhân và ra quyết định cá nhân</b> 2.1. Cơ sở của hành vi cá nhân 2.1.1. Thái độ 2.1.2. Tính cách	02	[1] Chương 2 từ trang 17 đến 24 [2] Chương 2: Từ trang 31 đến 40	- Học lý thuyết trên lớp - Tham gia thảo luận. - SV làm bài tập 1 đến 4 [2], trang 56
3	2.1.3. Nhận thức 2.1.3.1. Khái niệm và nhân tố ảnh hưởng 2.1.3.2. Lý thuyết quy kết và lỗi tắt để đánh giá người khác 2.1.4. Học tập 2.1.4.1. Khái niệm 2.1.4.2. Quá trình học hỏi 2.1.4.3. Các dạng lý thuyết học tập 2.1.4.4. Định dạng hành vi – áp dụng lý thuyết học tập vào tổ chức	02	[1] Chương 2 từ trang 24 đến 30 [2] Chương 2: Từ trang 40 đến 56	- Học lý thuyết trên lớp - Tham gia thảo luận - SV làm bài tập 4 đến 10 [2], trang 56
4	2.2. Ra quyết định cá nhân 2.2.1. Quá trình ra quyết định hợp lý 2.2.2. Ra quyết định cá nhân dựa trên t.tế 2.2.3. Nâng cao tính sáng tạo trong việc ra	02	[1] Chương 3 từ trang 32 đến 40 [2] Chương	- Học lý thuyết trên lớp - Tham gia thảo luận

	quyết định cá nhân. 2.2.4. Nâng cao hiệu quả trong việc ra quyết định		3: Từ trang 57 đến 84	- SV làm bài tập 1 đến 10 [2], trang 84
5	<b>Chương 3. Tạo động lực cho người lao động</b> 3.1. Động lực của cá nhân trong tổ chức 3.2. Các học thuyết về tạo động lực 3.2.1. Thuyết X và Thuyết Y 3.2.2. Học thuyết hai yếu tố của Herzberg 3.2.3. Các học thuyết về tạo nhu cầu 3.2.3. Học thuyết kỳ vọng (Victom Vroom) 3.2.4. Học thuyết công bằng (J. Stacy Adam)	02	[1] Chương 4 từ trang 42 đến 47 [2] Chương 4: Từ trang 85 đến 100	- Học lý thuyết trên lớp - Tham gia thảo luận - SV làm bài tập 1 đến 7 [2], trang 110
6	3.3. Tạo động lực trong các tổ chức ở VN 3.3.1. Những vấn đề đặt ra trong tạo động lực 3.3.2. Vận dụng các học thuyết tạo động lực 3.3.3. Các chương trình tạo động lực <b>Chương 4. Cơ sở hành vi nhóm</b> 4.1. Khái niệm và phân loại nhóm 4.2. Lý do và các giai đoạn hình thành, phát triển nhóm. 4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân trong nhóm 4.3.1. Vai trò của cá nhân trong nhóm 4.3.2. Chuẩn mực nhóm 4.3.3. Tính liên kết nhóm 4.3.4. Quy mô nhóm 4.3.5. Thành phần nhóm 4.3.6. Địa vị cá nhân trong nhóm	02	[1] Chương 4 từ trang 47 đến 48, Chương 5 từ trang 51 đến 56 [2] Chương 4: Từ trang 100 đến 109 [2] Chương 5: Từ trang 111 đến 125	- Học lý thuyết trên lớp - Tham gia thảo luận - SV làm bài tập 8,9 [2], trang 110 - SV làm bài tập 1 đến 7 [2], trang 132
7	4.4. Quyết định nhóm 4.4.1. Quyết định cá nhân và quyết định nhóm 4.4.2. Tư duy nhóm và việc ra quyết định 4.4.3. Phương pháp ra quyết định nhóm <b>Chương 5. Lãnh đạo và quyền lực</b> 5.1. Lãnh đạo và quyền lực: khái niệm, mối quan hệ và sự khác biệt 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Mối quan hệ và sự khác biệt giữa lãnh đạo và quyền lực 5.2. Các học thuyết về lãnh đạo 5.2.1. Học thuyết cá tính điển hình	02	[1] Chương 5 từ trang 57 đến 58, Chương 6 từ trang 60 đến 62 [2] Chương 5: Từ trang 125 đến 131 [2] Chương 6: Từ trang 133 đến 145.	Học lý thuyết trên lớp - Tham gia thảo luận - SV làm bài tập 8,9 [2], trang 132 - SV làm bài tập 1 đến 7 [2], trang 156
8	5.2.2. Học thuyết hành vi 5.2.3. Học thuyết về lãnh đạo theo tình huống 5.2.3. Giới tính và sự lãnh đạo 5.3. Các loại quyền lực và cơ sở quyền lực 5.3.1. Quyền lực ép buộc (Quyền chế tài) 5.3.2. Quyền khen thưởng 5.3.3. Quyền lực hợp pháp 5.3.4. Quyền lực chuyên gia	02	[1] Chương 6 từ trang 62 đến 66 [2] Chương 6: Từ trang 145 đến 155.	- SV và GV cùng thảo luận - SV đọc lại các chương 4, 5, 6 [2]

	5.3.5. Quyền lực tham khảo			
9	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	02	Hệ thống kiến thức	Làm bài trên lớp
10	<b>Chương 6. Giao tiếp trong tổ chức</b> 6.1. Giao tiếp 6.1.1. Khái niệm và chức năng của g.tiếp 6.1.2. Quá trình giao tiếp (QTGT) 6.1.3. Hướng giao tiếp 6.1.4. Các hình thức giao tiếp phổ biến 6.1.5. Các mạng lưới giao tiếp 6.1.6. Các yếu tố ảnh hưởng tới QTGT 6.1.7. Giao tiếp giữa các cá nhân có nền văn hóa khác nhau 6.1.8. Các biện pháp nâng cao hiệu quả QTGT	02	[1] Chương 7 từ trang 69 đến 72 [2] Chương 7: Từ trang 157 đến 180	Học lý thuyết trên lớp - Tham gia thảo luận - SV làm bài tập 1 đến 8 [2], trang 194
11	6.2. Xung đột 6.3. Đàm phán <b>Chương 7. Cơ cấu tổ chức, văn hóa tổ chức, thay đổi và phát triển tổ chức</b> 7.1. Cơ cấu tổ chức (CCTC) 7.1.1. Khái niệm, tầm quan trọng của CCTC 7.1.2. Các yếu tố then chốt cần quan tâm khi thiết kế cơ cấu tổ chức	02	[1] Chương 7 từ trang 74 đến 84 [2] Chương 7: Từ trang 181 đến 193 [2] Chương 8: Từ trang 195 đến 215	Học lý thuyết trên lớp - Tham gia thảo luận - SV làm bài tập 1 đến 5 [2], trang 227
12	7.1.3. Các mô hình cơ cấu tổ chức phổ biến 7.1.4. Nhân tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn CCTC	02	[1] Chương 8 từ trang 84 đến 87 [2] Chương 8: Từ trang 215 đến 226	- SV làm bài tập 6, 7 [2], trang 227
13	7.2. Văn hóa tổ chức (VHTC) 7.2.1. Khái niệm VHTC 7.2.2. Tác động của văn hóa tới hành vi nhân viên và tổ chức 7.2.3. Các loại văn hóa tổ chức 7.2.4. Sáng tạo và bảo tồn văn hóa 7.2.5. Văn hóa tổ chức có thể thay đổi, kiểm soát được không? 7.2.6. Phương pháp thay đổi VHTC	02	[1] Chương 9 từ trang 90 đến 95 [2] Chương 9: Từ trang 228 đến 253	Học lý thuyết trên lớp - Tham gia thảo luận - SV làm bài tập 1 đến 5 [2], trang 254
14	7.3. Thay đổi và phát triển tổ chức 7.3.1. Các áp lực thúc đẩy sự thay đổi 7.3.2. Quản lý sự thay đổi có kế hoạch 7.3.3. Các mô hình thay đổi 7.3.4. Các yếu tố cản trở sự thay đổi 7.3.5. Các biện pháp khắc phục những cản trở đối với sự thay đổi 7.3.6. Quản lý sự thay đổi và phát triển TC	02	[1] Chương 10 từ trang 97 đến 101 [2] Chương 10: Từ trang 255 đến 273	- Học lý thuyết trên lớp - SV tham gia thảo luận - SV làm bài tập 1 đến 6 [2], trang 274
15	<b>Thảo luận và thuyết trình nhóm</b> Đề tài:	02		- SV chia nhóm làm 5 đề tài

	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. “Các hành vi chính trị trong một tổ chức không phải vốn dĩ xấu. Nó chỉ là phương pháp để hoàn thành công việc”. Hãy thảo luận về vấn đề này.</li> <li>2. Trái với các trí tuệ cảm xúc là các tâm lý cảm xúc. Cách hiểu về những khái niệm này giúp cho các người lao động thực hiện công việc của mình như thế nào?</li> <li>3. “Làm việc theo nhóm không hiệu quả, đặc biệt ở những quốc gia có nền văn hóa mang chủ nghĩa cá nhân”. Hãy thảo luận về vấn đề này.</li> <li>4. “Tổ chức học hỏi dựa trên sự cộng tác, sự ổn định và tư duy chiến lược”. Làm thế nào để một tổ chức trở thành một tổ chức học hỏi?</li> <li>5. “Phần lớn việc ra quyết định cá nhân trong tổ chức là một quá trình bất hợp lý” Hãy thảo luận về vấn đề này.</li> </ol>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV làm bài tập nhóm ở nhà theo chủ được được giao</li> <li>- SV viết thu hoạch chủ đề được thảo luận trên lớp.</li> </ul>
	<b>Tổng</b>	<b>30</b>		

### 9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Tối thiểu 70% số giờ học trên lớp có sự hướng dẫn của giảng viên
- Bài tập:
  - + Làm đầy đủ các bài tập mà giảng viên giao
  - + Đọc thêm tài liệu mà giảng viên yêu cầu
- Dụng cụ học tập: Tài liệu chính và tài liệu tham khảo giảng viên yêu cầu.
- Làm bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

### 10. Thang điểm và hình thức đánh giá:

- **Thang điểm:** 10
- **Hình thức đánh giá:**
  - + Sinh viên tham gia đủ 70% số tiết học trên lớp
  - + Tham gia bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận (2 tiết)
  - + Tham gia bài thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận (90 phút)

### 11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà	1 điểm	10%
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ	1 bài	30%
3	Thi kết thúc học phần	Tự luận 90 phút	60%

### 12. Tài liệu học tập:

- Giáo trình bắt buộc:

[1] TS. Phạm Vũ Khiêm, Tập bài giảng "hành vi tổ chức", Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2016.

- Tài liệu tham khảo:

[2] PGS.TS. Bùi Anh Tuấn, PGS.TS. Phạm Thùy Hương, Giáo trình Hành vi tổ chức, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2013.

[3] TS. Nguyễn Hữu Lam, Hành vi tổ chức, Nhà xuất bản Giáo dục, 2002

[4] Stephen P. Robbins, Organizational Behavior, 9th Edition, Prentice Hall International, Inc., 2001.

[5] "Quản trị hành vi tổ chức" (2005). Xuất bản lần thứ 3. Tác giả: McShane, S. L. và Von Glinow, M. A. Nhà xuất bản McGraw-Hill.

*Lưu ý* đọc các chương 1(tr3);2(tr42);5(tr70);7(tr95);8(tr1260; 10(tr160); 11(tr189); 13(tr230); 14(tr271); 15(307); 16(tr338); 17(tr371).

[6]<http://n12businessmanagement.files.wordpress.com/2012/04/hanh-vi-to-chuc.pdf>

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 3 năm 2020



HIỆU TRƯỞNG

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Hùng Thắng

ThS. Đặng Thị Thu Giang

ThS. Trần Thị Thanh Hương

THƯỜNG